

**CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012**

TECHCOMSECURITIES 



MỤC LỤC

Phần I: Giới thiệu TCBS	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	9
Phần II: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012	11
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	11
2. Tổ chức và nhân sự	12
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	13
4. Tình hình tài chính	13
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
Phần III: Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	14
2. Tình hình tài chính	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	15
Phần IV: Đánh giá của Chủ sở hữu về hoạt động công ty	16
1. Đánh giá của Chủ sở hữu về các mặt hoạt động	16
2. Đánh giá của Chủ sở hữu về hoạt động của Ban giám đốc	16
3. Các định hướng hoạt động của Chủ sở hữu đối với công ty	17
Phần V: Báo cáo tài chính	19
1. Ý kiến kiểm toán	19
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	20

PHẦN I: GIỚI THIỆU TCBS

1. Thông tin khái quát

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (TCBS) được thành lập theo Quyết định số 665/TB-NQHĐQT ngày 18/07/2007 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kỹ thương, với mục tiêu đa dạng hóa loại hình hoạt động của Ngân hàng mẹ. Sự ra đời của TCBS là một mốc quan trọng, một tầm nhìn chiến lược của Techcombank, phù hợp với tiêu chí tăng trưởng bền vững của nền kinh tế Việt Nam trong thế kỷ 21. TCBS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động số 98/UBCK-GP ngày 18/9/2008, với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng.

- **Tên Công ty** : Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
- **Tên tiếng Anh** : Techcom Securities Company Limited
- **Tên giao dịch viết tắt** : TCBS
- **Vốn điều lệ** : 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng)
- **Trụ sở chính** : Tầng 4+5, Tòa nhà số 9 Tô Hiến Thành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Điện thoại** : (04) 222 010 31
- **Fax** : (04) 222 010 32
- **Email** :
- **Website** : <http://www.tcbs.com.vn>
- **Ngành nghề hoạt động** : TCBS được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán, bao gồm:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty được thành lập ngày 18/09/2008 theo giấy phép hoạt động số 98/UBCK-GP của Bộ tài chính.

Ngày 22/01/2010: TCBS trở thành thành viên chính thức tại HNX



Ngày 29/01/2010: TCBS trở thành thành viên chính thức tại HOSE

Ngày 27/01/2011: TCBS được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho thay đổi trụ sở chính về 2A Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 15/06/2012: TCBS thay đổi người đại diện theo pháp luật và Chủ tịch công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012 của UBCK.

Ngày 28/03/2013: TCBS được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho thay đổi trụ sở chính về Tầng 4+5, Số 9 Tô Hiến Thành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương có 1 tiềm lực tài chính vững chắc và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ phía Techcombank và đối tác chiến lược The Hongkong and Shanghai Banking Corporation (HSBC), Tổng công ty hàng không Việt nam (Vietnamairlines). Đây là nền tảng cơ bản và vững chắc cho công ty. Các dịch vụ của công ty, bao gồm:

3.1. Môi giới chứng khoán

Với công nghệ giao dịch chứng khoán hiện đại được vận hành và giám sát bởi những chuyên viên IT có nhiều kinh nghiệm, khách hàng của Techcom Securities có thể hoàn toàn yên tâm về tính bảo mật thông tin, sự công bằng, nhanh chóng và chính xác trong các giao dịch chứng khoán qua Techcom Securities.

Dịch vụ môi giới của TechCom Securities còn cung cấp cho khách hàng những tin tức liên quan đến thị trường chứng khoán một cách đầy đủ và kịp thời phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng. Các bài phân tích nhanh, báo cáo tổng quan thị trường được cung cấp miễn phí tại TechCom Securities sẽ giúp cho các nhà đầu tư dài hạn cập nhật thông tin kịp thời, có cái nhìn bao quát và đầy đủ hơn về diễn biến thị trường.

Ngoài ra, khách hàng có thể sử dụng các dịch vụ tiện ích như đặt lệnh và truy vấn thông tin qua điện thoại, tin nhắn và Internet. TechCom Securities thông báo kết quả giao dịch cho khách hàng bằng tin nhắn ngay sau khi khớp lệnh thành công.

3.2. Tư vấn đầu tư chứng khoán

Với mong muốn mang lại giá trị dịch vụ cao nhất cho khách hàng, bộ phận Phân tích và tư vấn đầu tư không ngừng nỗ lực thực hiện những sản phẩm hỗ trợ cho việc ra quyết định của nhà đầu tư. Với quan niệm nguồn nhân lực là yếu tố quyết định, công ty đã xây dựng được một đội ngũ chuyên viên phân tích tài chính chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản tại các trường đại học trong và ngoài nước. Chúng tôi cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm phân tích đa dạng, phong phú, được thu thập từ những nguồn tin đáng tin cậy bao gồm: báo cáo phân tích công ty, phân tích ngành, phân tích nền kinh tế... Bên cạnh đó là những bản tin định kỳ hàng tuần, tháng quý, mang lại cho quý nhà đầu tư những tin tức cập nhật nhất.



Các dịch vụ tư vấn đầu tư Techcom Securities cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- Báo cáo thị trường định kỳ (ngày, tuần, quý, năm)
- Báo cáo phân tích công ty niêm yết và chưa niêm yết
- Báo cáo phân tích ngành.
- Báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô
- Các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn chiến lược đầu tư, danh mục đầu tư, tư vấn rủi ro tiềm ẩn của thị trường, giúp nhà đầu tư phòng ngừa và đưa ra chiến lược đầu tư hiệu quả.
- Tổ chức buổi tọa đàm hội thảo, thuyết trình nhận định thị trường, cập nhập thông tin và bổ sung kiến thức cho các nhà đầu tư.

3.3. Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp là một trong những hoạt động chiến lược của Techcom Securities, với lợi thế nhận được sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ - Techcombank – một trong những định chế tài chính lớn trên thị trường tài chính Việt Nam, và từ các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, Techcom Securities cam kết sẽ đem lại cho khách hàng những dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho khách hàng. Các dịch vụ chúng tôi cung cấp bao gồm:

a) Tư vấn phân tích và tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp

Tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp cơ cấu lại tỷ trọng vốn và nguồn vốn tối ưu, sắp xếp lại và tối ưu hóa các hoạt động tài chính nhằm tăng doanh thu, cắt giảm chi phí. Với dịch vụ tư vấn tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp, Techcom Securities giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh, giúp cho hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao. Các dịch vụ tư vấn tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp do Techcom Securities cung cấp bao gồm:

- Phân tích cơ cấu tài chính hiện tại của doanh nghiệp;
- Xác định điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của tình hình;
- Xây dựng các giải pháp để tái cấu trúc tài chính một cách khả thi nhằm đạt được một cơ cấu tài chính hợp lý và có hiệu quả. Cụ thể là đưa ra các giải pháp cơ cấu lại luồng tiền, các khoản đầu tư, hàng tồn kho, tài sản, các khoản nợ, nguồn vốn chủ sở hữu, tìm ra các biện pháp cắt giảm chi phí, tăng doanh thu. Đồng thời tư vấn xây dựng các quy trình tài chính tối ưu.

b) Tư vấn Cổ phần hoá

Cổ phần hóa là bước đi đầu tiên để chuyển đổi một công ty trở thành công ty đại chúng. Kết quả của bước đi này đặt nền móng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp. Do đó, chất lượng tư vấn cổ phần hóa là yếu tố vô cùng quan trọng và



mang tính quyết định đối với việc cổ phần hóa một doanh nghiệp. Các dịch vụ tư vấn của TechCom Securities về cổ phần hóa bao gồm:

- Tư vấn lập phương án cổ phần hóa;
- Xác định giá trị doanh nghiệp
- Chuyển nhượng, chuyển đổi hình thức pháp lý, chia tách, hợp nhất, giải thể doanh nghiệp;
- Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, nhân sự và phương án hoạt động giai đoạn sau cổ phần hóa;
- Phát hành cổ phiếu: xây dựng phương án bán cổ phần (khối lượng, cơ cấu, giá cả, thời điểm);
- Tư vấn thực hiện bán đấu giá;
- Tư vấn tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp;
- Quản lý sổ cổ đông.

c) Tư vấn niêm yết

Quá trình niêm yết chứng khoán liên quan mật thiết tới tính thanh khoản của chứng khoán được niêm yết. Techcom Securities hỗ trợ doanh nghiệp hoạch định và thực hiện các công việc phải làm trước, trong và sau khi niêm yết để đạt hiệu quả tối đa cho việc niêm yết, tránh mọi rủi ro có thể xảy ra.

Các dịch vụ tư vấn niêm yết do Techcom Securities cung cấp bao gồm:

- Rà soát và chuẩn hóa các điều kiện liên quan đến niêm yết chứng khoán;
- Chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định;
- Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cho các cơ quan có thẩm quyền;
- Tiến hành các thủ tục đăng ký niêm yết và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt nam;
- Các dịch vụ hỗ trợ sau niêm yết.

d) Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành

Phát hành chứng khoán ra công chúng là một trong những công cụ huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp. Techcom Securities cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến phát hành chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Các dịch vụ Tư vấn phát hành do Techcom Securities cung cấp bao gồm:

- Khảo sát, đánh giá và xác định giá trị doanh nghiệp;
- Thành lập tổ bảo lãnh phát hành (nếu có);

- Chuẩn bị hồ sơ và các nội dung liên quan đến đợt phát hành, xin phép các cơ quan có liên quan;
- Tư vấn và tổ chức giới thiệu doanh nghiệp và đợt phát hành (roadshow) đến công chúng đầu tư, giới thiệu các nhà đầu tư tiềm năng;
- Phân phối chứng khoán đến các đối tượng của đợt phát hành.

e) Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Mua bán & sáp nhập doanh nghiệp đòi hỏi một chiến lược rõ ràng, kế hoạch thực hiện hiệu quả và phương án sáp nhập thành công. Những yếu tố trên giữ vai trò quyết định và tạo ra giá trị cuối cùng cho bất kỳ một thương vụ mua bán & sáp nhập doanh nghiệp nào.

Khách hàng sẽ được cung cấp những dịch vụ sau:

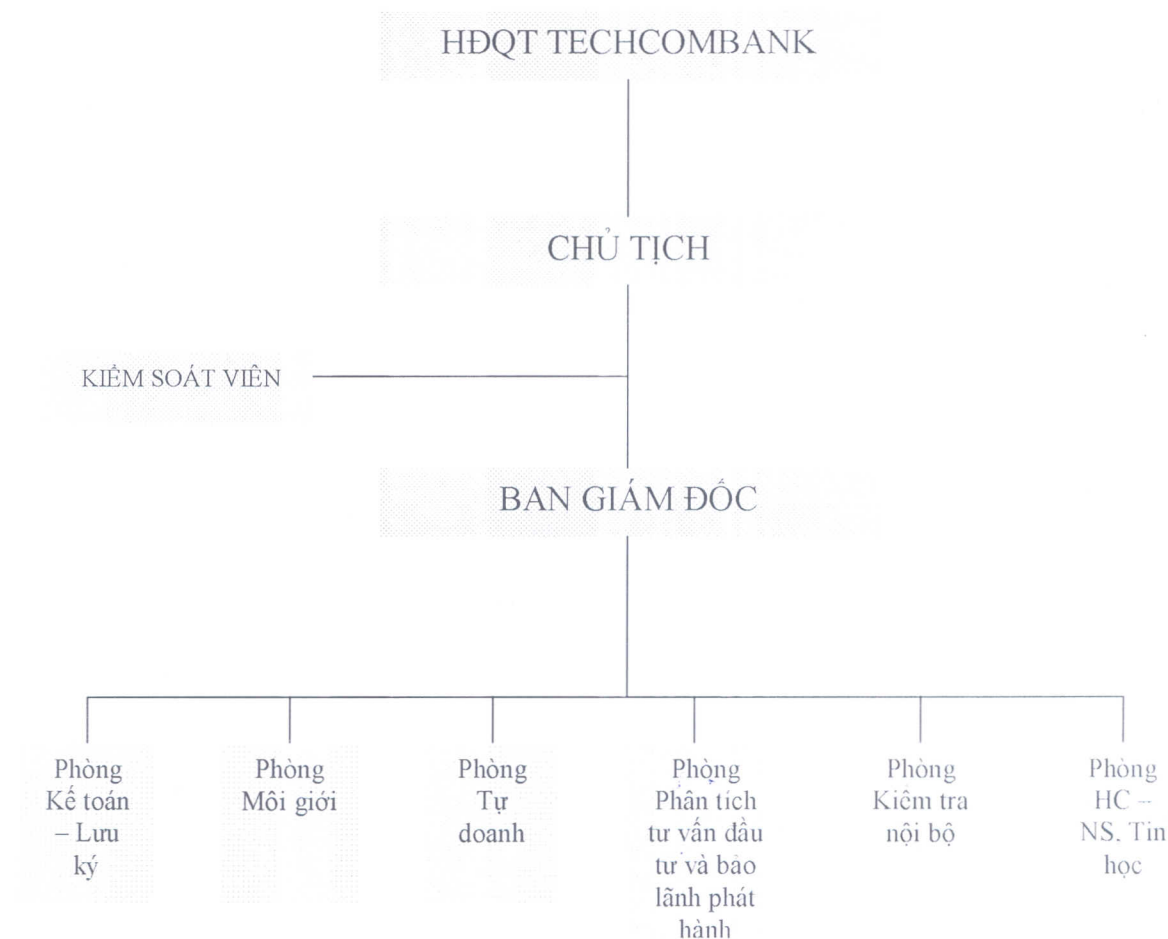
- Khảo sát tình hình hoạt động, chiến lược kinh doanh của khách hàng...
- Xem xét và đánh giá, tư vấn cho khách hàng lựa chọn đối tượng sáp nhập, hình thức sáp nhập;
- Tư vấn xây dựng lộ trình và triển khai thực hiện;
- Tư vấn hậu M&A: tái cấu trúc, hệ thống quản lý.

3.4. Lưu ký chứng khoán

Với sự hỗ trợ về công nghệ và nhân sự có kinh nghiệm, hoạt động lưu ký chứng khoán của TCBS đã hỗ trợ hiệu quả cho nhà đầu tư.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC TCBS



5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương có mục tiêu hướng tới là 1 **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CÓ SỰ PHÁT TRIỂN VỀ CHIỀU SÂU**. Đảm bảo sẽ mang đến dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả nhất cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty.

5.2. Chiến lược kinh doanh

Với tôn chỉ “Sự phát triển của khách hàng là sự phát triển của Công ty”, TCBS luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng là đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, TCBS hướng chiến lược kinh doanh của công ty vào các mảng hoạt động như: mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, nâng cấp hệ thống giao dịch và công nghệ thông tin giúp cho khách hàng giao dịch thuận tiện, nhanh chóng, đảm bảo an toàn bảo mật.

5.3. Chiến lược phát triển sản phẩm – dịch vụ

TCBS sẽ đặt trọng tâm vào mảng dịch vụ chính là Tư vấn và Môi giới, hướng tới hai nhóm khách hàng cá nhân và tổ chức, với các sản phẩm được thiết kế đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5.4. Chiến lược phát triển công nghệ

TCBS hướng tới xây dựng nền tảng công nghệ tiên tiến, do đó Công ty luôn tập trung nguồn lực để đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty cũng như đáp ứng các nhu cầu quản trị nội bộ.

5.5. Chiến lược phát triển hệ thống – mạng lưới

Tận dụng lợi thế cạnh tranh về thương hiệu và hệ thống Techcombank trên toàn quốc, TCBS sẽ bắt đầu triển khai phát triển mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch.

6. Các rủi ro

Hoạt động trong điều kiện nền kinh tế và thị trường tài chính có nhiều biến động, TCBS luôn đề cao quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động cho công ty. Tại TCBS, công tác quản trị rủi ro được thực hiện xuyên suốt từ cấp quản lý cao nhất tới các bộ phận nghiệp vụ.

6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là khả năng thay đổi các yếu tố nội tại trong nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, bao gồm cả những thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty. Những thay đổi này thể hiện qua biến động trong các yếu tố như mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường,... khiến giá trị của các khoản đầu tư tài chính cũng biến động theo.

6.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của công ty thông qua tác động trực tiếp tới các hoạt động gửi tiền/cho vay, giao dịch ký quỹ, và đầu tư trái phiếu,...

6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty mất khả năng thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh khoản của TCBS có thể bị suy yếu trong trường hợp không thể phản ứng kịp với những biến cố của thị trường nói chung. Rủi ro thanh khoản ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động cho vay/gửi tiền của công ty. Trong đó, rủi ro đối với hoạt động cho vay/gửi tiền xảy ra khi đối tác gặp khó khăn về thanh khoản và không trả đúng hạn.



6.4. Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ là những nguy cơ phát sinh khi Công ty không thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan trong hoạt động của mình hoặc nhân viên không tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty. Hậu quả khi xảy ra rủi ro tuân thủ có thể dẫn đến thiệt hại về tài sản, uy tín, danh tiếng, mất cơ hội kinh doanh,... hoặc thậm chí trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị tước giấy phép kinh doanh các nghiệp vụ chứng khoán.

6.5. Rủi ro vận hành

Trong hoạt động kinh doanh, TCBS có thể gặp rủi ro xuất phát từ sự cố vận hành, bao gồm nguy cơ lừa đảo hoặc trộm cắp, nhân viên có hành vi kinh doanh không hợp lệ, thực hiện giao dịch trái phép,... Những rủi ro này có thể khiến TCBS chịu các khoản lỗ tài chính, ảnh hưởng tới uy tín và thậm chí chịu sự can thiệp của pháp luật.

6.6. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

Các rủi ro về hệ thống và bảo mật thông tin luôn là rủi ro lớn nhất do hoạt động đặc thù của công ty chứng khoán. Tại TCBS, việc bảo vệ những thông tin của khách hàng giao dịch được coi là yếu tố sống còn, song song với việc tuân thủ quy trình hoạt động hàng ngày để hệ thống hoạt động hiệu quả.

6.7. Rủi ro thương hiệu

Rủi ro thương hiệu là tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty. Sự thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm dịch vụ của Công ty, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, đối với một tổ chức tài chính, rủi ro liên quan đến việc phát tán thông tin, lời đồn sai sự thật về hình ảnh của công ty sẽ gây ra những hậu quả khó lường nhất là làm sụt giảm niềm tin của nhà đầu tư.

6.8. Rủi ro pháp luật

Thị trường chứng khoán Việt nam đang trong quá trình hoàn chỉnh nên số lượng các văn bản pháp luật liên quan ban hành mỗi năm rất lớn và các chính sách vĩ mô cũng luôn thay đổi trong từng giai đoạn. Do đó, một số rủi ro có thể phát sinh do thay đổi văn bản luật và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.



PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012**1. Tình hình hoạt động kinh doanh****1.1. Doanh thu năm 2012**

Tổng doanh thu trong năm tài chính 2012 TCBS đạt 119 tỷ đồng tăng 63% so với năm 2011. Các nguồn thu đa dạng hơn với nhiều mảng nghiệp vụ được phối hợp triển khai cùng ngân hàng Techcombank, cụ thể:

- Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư trong năm 2012 chiếm tỷ trọng lớn nhất với 66% tổng doanh thu trong năm, tăng gấp 6 lần năm trước và giá trị đạt gần 79 tỷ đồng.
- Nguồn tiền mặt nhận rồi được TCBS gửi tại ngân hàng với số dư thường xuyên khoảng 100 tỷ đồng nên lãi tiền gửi phát sinh trong năm đạt gần 17 tỷ đồng.
- Nguồn thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu chủ yếu là cổ tức được nhận từ chứng khoán đầu tư với giá trị là 5.7 tỷ đồng.
- Do tình hình chung của thị trường chứng khoán năm 2012 có sự sụt giảm mạnh đồng thời năm 2012 Công ty cũng chủ động tạm dừng cung cấp dịch vụ margin chứng khoán nhằm giảm thiểu mọi rủi ro trong thanh toán nên hoạt động môi giới của Công ty theo đó cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng và giảm sút 67% so với năm 2011, phí môi giới trong năm 2012 chỉ đạt gần 233 triệu đồng.

1.2. Chi phí năm 2012

Tổng chi phí phát sinh trong năm 2012 là 14 tỷ đồng và giảm mạnh so với năm 2011 do trong năm TCBS được hoàn trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán gần 14 tỷ đồng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản lương, khấu hao, chi phí văn phòng gần như không có sự biến động so năm 2011 (giảm 8%) với tổng mức chi phí trong năm 2012 là 6.1 tỷ đồng.
- Chi phí hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng gần 60% trong tổng chi phí năm 2012 với giá trị trên 8 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là do lỗ từ bán chứng khoán đầu tư.

1.3. Lợi nhuận năm 2012

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 105 tỷ đồng, tăng gần 5 lần năm trước và chủ yếu có được từ hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

1.4. Tình hình thực hiện năm 2012 so với kế hoạch

Năm 2012 TCBS đạt được doanh thu hơn 119 tỷ đồng, đạt 196% kế hoạch đề ra. Lý do mà TCBS vượt nhiều so với kế hoạch đề ra là do trong năm công ty có doanh thu lớn từ hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu. Bên cạnh đó, tổng chi phí năm 2012 cũng thấp hơn so với kế hoạch nên Lợi nhuận trước thuế trong năm có sự tăng đột biến so với kế hoạch.

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012
Tổng doanh thu	40.300	119.529
Tổng chi phí	18.181	14.298
Tổng lợi nhuận trước thuế	22.119	105.231
Lợi nhuận sau thuế	16.589	80.353

2. Tổ chức và nhân sự

Nhân sự của TCBS năm 2012 không có nhiều biến động, số lượng CBNV trong công ty thường duy trì ở mức 18-20 người.

2.1. Ban lãnh đạo:

Ông Hồ Hùng Anh Chủ tịch	Giới tính	: Nam
	Năm sinh	: 1970
	Quốc tịch	: Việt Nam
	Trình độ văn hóa	: Đại học
	Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện tử
	Quá trình công tác	: Ông Hùng Anh tham gia quản trị ngân hàng Techcombank với các vị trí khác nhau trong Hội đồng quản trị từ năm 2004. Ông là chủ tịch Hội đồng quản trị Techcombank từ tháng 5/2008 tới nay.

Ông
Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Giới tính : Nam
 Năm sinh : 1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn: Tài chính ngân hàng
 Quá trình công tác : Trước khi gia nhập TCBS, Ông Kiên đã 6 năm làm việc tại BSC với chức vụ trưởng phòng tư vấn đầu tư và 1 năm tại cty Chứng khoán Hướng Việt với chức vụ Tổng giám đốc. Ông đã nghiên cứu và có vốn kiến thức chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.2. Thay đổi trong ban điều hành năm 2012

Trong năm 2012 công ty đã có sự biến động về nhân sự trong ban điều hành đó là thay đổi người đại diện theo pháp luật và chủ tịch công ty: Ông Hồ Hùng Anh thay cho Ông Nguyễn Đăng Quang từ ngày 15/06/2012.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Hoạt động đầu tư của TCBS chủ yếu là đầu tư cổ phiếu, với tổng giá trị đầu tư tại thời điểm 31/12/2012 là hơn 83 tỷ đồng. Trong năm 2012 hầu như TCBS không thực hiện đầu tư thêm mà chỉ duy trì và bán bớt một phần cổ phiếu đã đầu tư từ năm trước.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	325,869,697,131	418,807,872,802	29%
Doanh thu thuần	73,267,790,354	119,529,518,116	63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20,778,511,229	105,231,495,691	406%
Lợi nhuận khác	977,615,935		-100%
Lợi nhuận trước thuế	21,756,127,164	105,231,495,691	384%
Lợi nhuận sau thuế	21,440,163,711	80,352,899,716	275%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
-Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	232	30	
-Hệ số thanh toán nhanh:(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	232	30	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.004	0.033	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.004	0.035	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.225	0.285	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.29	0.67	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.066	0.198	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.066	0.192	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0.28	0.88	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TCBS là công ty TNHH 1 thành viên do 100% vốn của Techcombank thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng và đến 31/12/2012 vốn điều lệ vẫn duy trì là 300 tỷ đồng.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2012 tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đầu tư chứng khoán. Mặc dù vậy với việc linh hoạt trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình và chủ động hạn chế những rủi ro bằng việc đẩy mạnh nghiệp vụ quản lý giám sát chặt chẽ, TCBS đã đạt được những kết quả khả quan.

- Doanh thu tăng 63% và lợi nhuận tăng gần 4 lần so với năm 2011, trong khi chi phí cố định luôn được kiểm soát, không có phát sinh đột biến và giảm nhẹ so với năm trước. Đa dạng hóa các loại hình tư vấn, dịch vụ cho khách hàng đồng thời nâng cao nghiệp vụ các phòng ban, nhân sự ổn định và không để phát sinh bất cứ sai sót nào trong quá trình vận hành.

- Bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả, chuyên môn nghiệp vụ của từng cán bộ, nhân viên ngày càng nâng cao sẵn sàng đáp ứng đòi hỏi của công việc.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	0.74	0.41
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	98.9	99.4

Tổng tài sản của TCBS tại 31/12/2012 đạt 418.8 tỷ đồng tăng 29% so với năm 2011. Năm 2012, TCBS không thực hiện đầu tư mua thêm tài sản cố định và không phát sinh các khoản phải thu xấu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2012, số dư nợ phải trả của TCBS là hơn 13 tỷ tăng 10 lần so với cùng kỳ năm ngoái do 2 khoản phải trả là Thuế phải nộp nhà nước và phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán. Hai khoản nợ phải trả này TCBS sẽ thực hiện khi đến hạn thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhận thức rõ giá trị cốt lõi của mỗi doanh nghiệp nằm ở đội ngũ nhân viên. Vì thế, TCBS luôn chú trọng xây dựng các chính sách nhân sự toàn diện nhằm tạo môi trường làm việc hiệu quả, công bằng và phát huy được tính sáng tạo trong công ty, cụ thể là TCBS luôn kiên trì toàn chính sách đào tạo, đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút và phát triển nhân tài. Bên cạnh đó, TCBS cũng luôn cải thiện chế độ phúc lợi cho CBNV như thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua chương trình bảo hiểm AON,...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2013, với các dự báo về chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ, kiên quyết xử lý nợ xấu của các ngân hàng thì khả năng dòng tiền cho thị trường chưa thể có dấu hiệu tích cực và thị trường chứng khoán khó có khả năng phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ ngay trong năm 2013. Tuy nhiên TTCK là hàn thử biểu của nền kinh tế và luôn có những phản ứng trước nền kinh tế ít nhất 6 tháng do vậy cũng có thể kỳ vọng vào một sự khởi sắc sớm cho thị trường sẽ diễn ra vào cuối năm tài khóa 2013 khi một loạt các chính sách vĩ mô của chính phủ đang triển khai phát huy tác dụng, tình hình nợ xấu của các ngân hàng dần được cải thiện, quá trình tái cấu trúc hệ thống tài chính ngân hàng trong năm 2013 có những kết quả tích cực ban đầu. Nếu kịch bản này xảy ra thì dòng tiền đầu tư sẽ sớm quay lại thị trường và châm ngòi cho sự phục

hồi tăng trưởng thị trường kể từ cuối năm 2013 khi mức giá cổ phiếu hiện tại là rất thích hợp để đầu tư dài hạn.

Kế hoạch phát triển của TCBS trong năm 2013 là:

- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư, duy trì tổng doanh thu với mức tối thiểu bằng 50% so với năm 2012.
- Tự chủ trong hoạt động kinh doanh, tìm kiếm cơ hội và lợi nhuận trên thị trường đầu tư cổ phiếu niêm yết.
- Đảm bảo lợi nhuận từ các nghiệp vụ cốt lõi tối thiểu bù đắp được mọi chi phí phát sinh và tiếp tục có lãi trong năm tài khóa 2013.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU VỀ HOẠT ĐỘNG CTY

1. Đánh giá của Chủ sở hữu về các mặt hoạt động

Năm 2012 là năm có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong 10 năm gần đây. Tốc độ tăng GDP năm 2012 chỉ đạt 5.03%. Tuy nhiên, do việc kiềm chế được lạm phát, đưa CPI từ gần 20% năm 2011 xuống còn 9.21% năm 2012 thì hàng loạt chỉ số kinh tế vĩ mô năm 2012 đã ổn định theo hướng tích cực hơn hẳn so với các năm trước.

Năm 2012 đánh dấu nhiều biến cố có tính chất sống còn trong hoạt động của các công ty chứng khoán: 11 công ty bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, 10 công ty bị/xin rút nghiệp vụ môi giới, 3 công ty bị đình chỉ hoạt động. Bên cạnh đó, lợi nhuận của các công ty chứng khoán bị giảm sút mạnh.

TCBS đã linh hoạt trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình và chủ động hạn chế những rủi ro bằng việc đẩy mạnh nghiệp vụ quản lý giám sát chặt chẽ nên trong năm 2012 TCBS cũng đã đạt được những kết quả khả quan: tổng doanh thu đạt 119 tỷ đồng tăng 196% so với kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 80 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Chủ sở hữu về hoạt động của Ban Giám đốc

Chủ sở hữu luôn sát sao giám sát hoạt động của Ban giám đốc, đảm bảo các hoạt động của công ty được điều hành, quản lý hiệu quả, an toàn, đúng pháp luật và các quy định nội bộ.

Thực hiện chỉ đạo Giám đốc giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc đột xuất. Các vấn đề lớn, quan trọng đều được Chủ sở hữu ra nghị quyết và giám sát quá trình thực hiện qua các báo cáo tiến độ.

Chủ sở hữu luôn theo dõi, cập nhật định kỳ tình hình tài chính, quản lý điều hành, nhân sự, quản lý chi phí của công ty thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Qua kết quả kinh doanh năm 2012, Chủ sở hữu đánh giá Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò quản trị điều hành. Lợi nhuận năm 2012 vượt kế hoạch đề ra, tăng 5 lần sơ với năm trước, bên cạnh đó chi phí thì giảm đáng kể.

3. Các định hướng hoạt động của Chủ sở hữu đối với công ty

Năm 2013, dự báo thị trường chứng khoán sẽ có nhiều thuận lợi để phát triển về dài hạn. Các thông tin về việc Chính phủ và NHNN sẽ theo đuổi các chính sách vĩ mô hướng tới ổn định, đồng thời sẽ có những chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Do đó, có thể kỳ vọng mức tăng trưởng của chỉ số chứng khoán. Tuy nhiên, mức tăng điểm của thị trường chứng khoán được duy trì bền vững hay không lại phụ thuộc vào những cam kết duy trì thực hiện chính sách ổn định của Chính phủ.

Trong năm 2013 TCBS đặt ra các mục tiêu căn bản là từng bước thúc đẩy mạnh các hoạt động nghiệp vụ để làm tiền đề phát triển cho giai đoạn tiếp theo, tiếp tục củng cố hệ thống nền tảng đã xây dựng được trong giai đoạn 2009-2012 để đảm bảo phát triển an toàn, hạn chế rủi ro, tiết kiệm tối đa chi phí. Phối hợp với Techcombank và các đơn vị trong hệ thống triển khai xây dựng một hệ thống các công cụ thị trường vốn chuyên nghiệp, nhằm chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường tài chính.

Trên cơ sở các kết quả đạt được, trong năm 2013 TCBS sẽ tập trung phát triển một số mảng hoạt động sau:

- Hoạt động môi giới – Lưu ký:

Công ty nhận định mặc dù cạnh tranh trong hoạt động môi giới giữa các CTCK rất cao, nhưng thị trường được đánh giá vẫn có nhiều tiềm năng phát triển (về số lượng hàng hóa, quy mô giao dịch, ...), tạo điều kiện để CTCK mở rộng hoạt động và chiếm lĩnh thị trường trong tương lai.

Trên cơ sở nghiên cứu thị phần của khoảng 80% CTCK, việc cạnh tranh chiếm lĩnh khách hàng mới sẽ thuận lợi cho những công ty chứng khoán uy tín và/hoặc có tình hình tài chính mạnh, những khách hàng tốt từ những CTCK nhỏ cũng có xu hướng dịch chuyển giao dịch.

- Hoạt động phân tích, nghiên cứu, tư vấn:

Trọng tâm xây dựng hoạt động phân tích, nghiên cứu, với mục tiêu xây dựng đội ngũ phân tích hàng đầu, có chất lượng cao; trước mắt hỗ trợ cho hoạt động môi giới trong các mảng: tư vấn đầu tư, tư vấn thị trường; Xây dựng đội ngũ phân tích với tiêu chuẩn tương đương với các nước trong khu vực.

Trên cơ sở định hướng hoạt động của nghiệp vụ phân tích – tư vấn, công ty sẽ tuyển dụng các nhân sự cao cấp

- Hoạt động đầu tư:

Trên cơ sở các hoạt động đầu tư đã thực hiện năm 2012, Công ty dự kiến tái cơ cấu danh mục đầu tư hiện tại, theo hướng đầu tư vào cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt, có tính thanh khoản cao nhằm sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

- *Hoạt động quản trị, quản lý:*

Nghiên cứu mô hình quản trị, quản lý của các CTCK trong nước và trong khu vực. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống quản trị, quản lý tiên tiến, nhằm đáp ứng yêu cầu mới trong hoạt động, phù hợp với kế hoạch tăng trưởng nhanh của công ty.



PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



KPMG Limited
48th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot 68, Phạm Hùng Street,
Mê Linh, Từ Liêm, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone: +84 (4) 2546 1500
Fax: +84 (4) 2546 1501
Internet: www.kpmg.vn/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban quản lý Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 1 năm 2013 được trình bày từ trang 4 đến trang 34. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban quản lý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban quản lý Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 12-02-320/1



Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2013

Nguyễn Tâm Anh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0651/KTV

KPMG Limited is a member firm of the global network of independent member firms affiliated with the KPMG network, a Swiss entity known as the "KPMG network". The KPMG network is a Swiss entity known as the "KPMG network".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Bảng cân đối kế toán

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416.302.964	322.540.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	177.265.997	119.884.370
Tiền mặt	111		86.265.997	34.884.370
Các khoản tương đương tiền	112		91.000.000	85.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	66.424.048	76.218.076
Đầu tư ngắn hạn	121		83.334.498	118.561.224
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(16.910.450)	(42.343.148)
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		172.330.192	126.009.386
Trả trước cho người bán	132		88	9.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	30.331	99.054
Các khoản phải thu khác	138	8	172.299.773	125.901.332
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		282.727	428.428
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		166.654	185.826
Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.407	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	176.836
Tài sản ngắn hạn khác	158		63.666	65.766
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.504.909	3.329.436
II. Tài sản cố định	220		1.714.781	2.396.889
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.058.564	1.466.612
Nguyên giá	222		2.282.317	2.265.453
Hao mòn lũy kế	223		(1.223.753)	(798.841)
Tài sản cố định vô hình	227	10	656.217	930.277
Nguyên giá	228		1.340.860	1.340.860
Hao mòn lũy kế	229		(684.643)	(410.583)
V. Tài sản dài hạn khác	260		790.128	932.547

12

Chi phí trả trước dài hạn	261		142.126	284.545
Tiền gửi dài hạn	262		508.789	508.789
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	139.213	139.213
TỔNG TÀI SẢN	270		418.807.873	325.869.696

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		13.973.689	1.388.413
I. Nợ ngắn hạn	310		13.973.689	1.388.413
Phải trả người bán	312		-	1.348
Người mua trả tiền trước	313		290.555	666.117
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	6.206.420	288.292
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	7.200.020	395.950
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	14	276.694	36.706
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		404.834.184	324.481.283
I. Vốn chủ sở hữu	410		404.834.184	324.481.283
Vốn điều lệ	411	15	300.000.000	300.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	417		6.610.213	2.592.569
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.610.213	2.592.569
Lợi nhuận chưa phân phối	420		91.613.758	19.296.145
TỔNG NGUỒN VỐN	440		418.807.873	325.869.696

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
6. Chứng khoán lưu ký	006		315.033.010	120.208.030
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		180.451.600	59.480.780
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		363.000	6.067.680
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		180.088.600	53.423.100
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		25.000	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		25.000	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		132.227.710	60.000.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		132.227.710	60.000.000

6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	2.328.700	196.500
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	2.328.700	196.500
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	132.227.710	520.750
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	132.227.710	520.750

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh:

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND'000	2011 VND'000 (Phân loại lại)
Doanh thu	1		119.529.519	73.267.790
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		232.920	705.446
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.2	16	5.717.112	4.223.892
Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.3		390.000	30.000.000
Doanh thu từ đại lý phát hành chứng khoán	1.4		-	137.000
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	1.5	17	78.976.600	12.508.659
Doanh thu khác	1.9	18	34.212.887	25.692.793
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		119.529.519	73.267.790
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	(8.192.550)	(45.861.183)
Lợi nhuận gộp	20		111.336.969	27.406.607
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	(6.105.472)	(6.628.096)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.231.497	20.778.511
Lợi nhuận thuần khác	40		-	977.616
Lợi nhuận trước thuế	50		105.231.497	21.756.127
Chi phí thuế thu nhập - hiện hành	51	21	(24.878.596)	(315.963)
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		80.352.901	21.440.164

2.3. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	300.000.000	1.520.560	1.520.560	18.353.245	321.394.365
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	21.440.164	21.440.164
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(18.353.246)	(18.353.246)
Phân bổ vào các quỹ	-	1.072.009	1.072.009	(2.144.018)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	300.000.000	2.592.569	2.592.569	19.296.145	324.481.283
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	80.352.901	80.352.901
Phân bổ vào các quỹ	-	4.017.644	4.017.644	(8.035.288)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	300.000.000	6.610.213	6.610.213	91.613.758	404.834.184

2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND'000	2011 VND'000 (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	1		105.231.497	21.756.127
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	2		698.972	901.792
Các khoản dự phòng	3		(13.888.642)	20.040.975
Thu nhập tiền lãi từ hoạt động đầu tư	5		(24.803.598)	(27.378.404)
Chi phí tiền lãi	6		4.917.744	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			72.155.973	15.320.490
Biến động chứng khoán thương mại, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	9		24.109.597	(17.722.405)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(6.431.203)	(39.100.633)
			102.696.773	(41.502.548)
Tiền lãi đã trả	13		(4.917.744)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.528.515)	-

Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20	79.250.514	(41.502.548)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.864)	(962.122)
Tiền chi cho các khoản đầu tư	23	(335.462.222)	-
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư	24	344.144.892	-
Cổ tức và lãi đã nhận được	27	(30.534.693)	24.283.801
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30	(21.868.887)	23.321.679
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	36	-	(18.353.246)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40	-	(18.353.246)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	57.381.627	(36.534.115)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	119.884.370	156.418.485
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	177.265.997
			119.884.370

2.5. Thuyết minh Báo cáo tài chính

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 17 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 15 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 162/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

15

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), làm tròn đến hàng nghìn gần nhất ("VND'000").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ



tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty.

(d) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán kinh doanh các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào ngày công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân 15 phút giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán đầu tư chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá niêm yết từ ba công ty chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư ngắn hạn như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư ngắn hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(e) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty cung cấp tiền cho các bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo các chính sách kế toán về ghi nhận, phân loại và đánh giá đối với các tài sản của Công ty được trình bày trong Thuyết minh 3(d).

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán cho cùng một đối tượng) không được ghi nhận là các khoản mua chứng khoán mà là các khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo giá trị phân bổ. Tiền lãi thu từ các hợp đồng này được ghi nhận vào thu nhập tiền lãi dựa theo kỳ hạn của mỗi hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng 4 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ và dụng cụ được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phân ánh theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:



Tỷ lệ trích lập hàng năm Số dư tối đa

M u Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn góp
^c Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này cũng như quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được luật pháp quy định và không được phép phân phối.

(n) Doanh thu**(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các chứng khoán đã niêm yết và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất đối với các chứng khoán chưa niêm yết.

(iii) Doanh thu dịch vụ tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010



do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Tiền mặt tại quỹ	11.491	23.259
Tiền gửi ngân hàng	86.254.506	34.861.111
Các khoản tương đương tiền (i)	91.000.000	85.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.265.997	119.884.370
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền và tương đương tiền của Công ty</i>	<i>170.065.977</i>	<i>119.488.420</i>
<i>Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh số 13)</i>	<i>7.200.020</i>	<i>395.950</i>
	177.265.997	119.884.370

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có gốc tiền tệ bằng VND.

(i) Các khoản tương đương tiền này là tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND'000)
a) Của Công ty		
▪ Cổ phiếu	36.300	-
b) Của Nhà đầu tư/ Khách hàng		
▪ Cổ phiếu	14.302.280	133.834.157
	14.338.580	133.834.157



6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	2012 VND'000	2011 VND'000
Chứng khoán kinh doanh	83.334.498	118.561.224
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16.910.450)	(42.343.148)
	<u>66.424.048</u>	<u>76.218.076</u>



Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 1 tháng 1 năm 2012 như sau:

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
		31/12/2012	1/1/2012	Tăng	(Giảm)	31/12/2012	1/1/2012
		VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chứng khoán kinh doanh	3.798.918	4.576.398	118.561.224	762.300	(17.672.750)	66.424.048	76.218.076
Nắm bởi chính Công ty							
Chứng khoán niêm yết	36.300	658.163	16.717.832	762.300	(5.760.189)	762.300	10.957.643
ACB	-	139.440	4.547.660	-	(1.535.756)	-	3.011.904
HPG	36.300	165.000	6.150.000	762.300	(3.262.500)	762.300	2.887.500
EIB	-	353.723	6.020.172	-	(961.933)	-	5.058.239
Nắm bởi Công ty Quản lý quỹ Ký thương theo hợp đồng ủy thác đầu tư							
Chứng khoán niêm yết	3.672.618	3.918.235	101.843.392	-	(17.672.750)	65.661.748	65.260.433
ACB	139.460	20	619	-	(2.275.081)	2.273.198	432
HPG	548.220	1.197.000	45.873.831	-	(5.284.485)	11.512.620	20.947.500
EIB	1.575.203	1.221.480	20.129.155	-	(1.418.641)	24.730.686	17.467.163
FPT	3	3	173	-	(67)	106	149
GMD	1.499.730	1.499.730	35.839.589	-	(8.694.476)	27.145.113	26.845.167
MBB	2	2	25	-	(3)	25	22

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong kỳ như sau:

	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư đầu kỳ	42.343.148	22.302.173
(Hoàn nhập)/tăng dự phòng trong kỳ		
(Thuyết minh 19)	(13.888.642)	36.083.802
Sử dụng quỹ dự phòng	(11.544.056)	(16.042.827)
Số dư cuối kỳ	16.910.450	42.343.148
7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán		
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư (i)	24.881	98.491
Phải thu khác	5.450	563
	30.331	99.054

(i) Đây là khoản ứng trước cho những khách hàng đã bán chứng khoán và muốn nhận tiền trước thay vì ngày T+3.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Phải thu tiền lãi	1.136.250	2.599.047
Phải thu từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	-	119.348.889
Phải thu khác (i)	171.163.523	3.953.396
	172.299.773	125.901.332

(i) Số dư này bao gồm các khoản phải thu từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương từ việc bán các khoản đầu tư ủy thác theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (148.164 triệu đồng) (Thuyết minh 3(e)), và khoản phải thu từ hợp đồng mua bán chứng khoán có điều kiện (23.000 triệu đồng).

Theo hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương, khoản ủy thác này đã được đầu tư vào hai cổ phiếu ngân hàng thương mại cổ phần chưa niêm yết như sau:

	Số lượng	Giá trị VND'000
MSB	6.635.000	55.000.0000
VPB	9.000.000	90.000.0000
	15.635.000	145.000.000

Theo hợp đồng mua chứng khoán có điều kiện, Công ty ứng trước vốn cho một đối tác cá nhân để mua 2.300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Minh. Hợp đồng này sẽ bị hủy nếu Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Minh không đạt được một mức chỉ tiêu EPS nhất định trong vòng 1 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

	2012 Thiết bị văn phòng VND'000	2011 Thiết bị văn phòng VND'000
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.265.453	2.185.138
Tăng trong năm	16.864	80.315
Số dư tại ngày 31 tháng 12	2.282.317	2.265.453
Hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	798.841	390.539
Khấu hao trong năm	424.912	408.302
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.223.753	798.841
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.466.612	1.794.599
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.058.564	1.466.612

10. Tài sản cố định vô hình

	2012 Phần mềm máy tính VND'000	2011 Phần mềm máy tính VND'000
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.340.860	1.340.860
Tăng trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.340.860	1.340.860
Hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	410.583	136.523
Khấu hao trong năm	274.060	274.060
Số dư tại ngày 31 tháng 12	684.643	410.583
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	930.277	1.204.337
Số dư tại ngày 31 tháng 12	656.217	930.277

11. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư đầu năm	139.213	124.442
Tăng trong năm	-	14.771
Số dư cuối năm	139.213	139.213

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	33.175	54.994
Thuế giá trị gia tăng	-	233.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.173.245	-
	6.206.420	288.292

Biến động nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

	2012			
	Giá trị chuyển từ năm trước VND'000	Giá trị tăng thêm VND'000	Giá trị đã trả VND'000	Gia trị chuyển sang năm sau VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	54.994	156.244	(178.063)	33.175
Thuế giá trị gia tăng	233.298	7.611.673	(7.844.971)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	(176.836)	24.878.596	(18.528.515)	6.173.245
	111.456	32.646.513	(26.449.142)	6.206.420

(i) Số dư đầu kỳ của thuế thu nhập doanh nghiệp trên số tiền thanh toán được ghi nhận vào tài sản khác.

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (i)	7.200.020	395.950
	7.200.020	395.950

(i) Các khoản này liên quan đến các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty (Thuyết minh số 3(c) và Thuyết minh số 4).

14. Phải trả khác

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Phí quản lý phải trả cho các hợp đồng ủy thác đầu tư	65.856	36.706
Phải trả khác	210.838	-
	276.694	36.706

15. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là 300 tỷ đồng.
Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

16. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	2.403.172
Thu nhập cổ tức	5.717.112	1.820.720
	5.717.112	4.223.892

17. Doanh thu hoạt động tư vấn

	2012 VND'000	2011 VND'000
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn đầu tư	928.000	-
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn tài chính	3.048.600	12.508.659
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn khác (i)	75.000.000	-
	78.976.600	12.508.659

(i) Đây là khoản phí tư vấn Công ty nhận được theo Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch. Các hợp đồng này đã được hoàn thành trong năm, và Công ty đã nhận được toàn bộ số phí phát sinh (mức phí bằng 1,5% giá trị gốc của 5.000 tỷ VND trái phiếu được phát hành).

Khách hàng	Mệnh giá VND'000	Phí VND'000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Đồng	2.000.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Royal City	1.000.000.000	15.000.000
Công ty TNHH Bất Động Sản Phú Gia	1.000.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Đông Phú Hưng – Bình Thuận	1.000.000.000	15.000.000
	5.000.000.000	75.000.000

18. Doanh thu khác

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lãi tiền gửi	16.848.653	24.208.779
Lãi từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	17.237.833	1.348.889
Thu nhập khác	126.401	135.125
	34.212.887	25.692.793



19. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2012 VND'000	2011 VND'000 (Phân loại lại)
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	16.797.456	7.723.504
Chi phí lãi	4.917.744	111.373
Phí quản lý phải trả cho các hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	476.256	576.236
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	345.000	-
Chi phí khấu hao	274.060	274.060
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(13.888.642)	36.083.802
Chi phí khác	1.068.132	1.203.581
	8.192.550	45.861.183

(i) Khoản này phản ánh khoản phí quản lý danh mục đầu tư phải trả cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 3(e)), được tính theo tỉ lệ 0,2% - 0,5% giá trị tài sản ròng (NAV) của danh mục đầu tư.

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2012 VND'000	2011 VND'000
Chi phí nhân viên	2.708.629	2.999.667
Chi phí thuê văn phòng	1.954.098	2.154.880
Chi phí nguyên vật liệu, công vụ và dụng cụ	155.994	219.430
Chi phí khấu hao	424.912	408.302
Chi phí khác	861.838	845.817
	6.105.472	6.628.096

21. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2012 VND'000	2011 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	24.878.596	315.963

15

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND'000	2011 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	105.231.497	21.756.127
Thuế theo thuế suất của Công ty	26.307.874	5.439.032
Thu nhập không chịu thuế	(1.429.278)	(455.180)
Sử dụng lỗ năm trước	-	(4.667.889)
	<u>24.878.596</u>	<u>315.963</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam				
Tiền gửi	-	-	176.853.128	119.605.854
Lãi phải thu từ tiền gửi	-	-	1.136.250	2.599.047
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	-	(79.691)	(4.163.793)
Thu nhập lãi từ tiền gửi	11.249.549	23.116.503	-	-
Chi phí tiền lãi	(4.917.744)	-	-	-
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	(345.000)	-	-	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	228.334.498	101.843.392
Phải thu khác	-	-	3.163.523	3.953.396
Phí quản lý quỹ	(476.256)	(576.236)	-	-

23. Quản lý rủi ro

Phần thuyết minh này trình bày chi tiết về mức độ rủi ro tài chính của Công ty và các phương pháp được Ban Giám đốc sử dụng để quản lý các rủi ro này. Rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín

nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng độ tin cậy của khách hàng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		2012 VND'000	2011 VND'000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền.	(ii)	177.254.506	119.861.111
Phải thu	(iii)	172.330.192	126.009.386
Tài sản ngắn hạn khác		63.666	65.766
Tài sản dài hạn khác		648.002	648.002
		350.296.366	246.584.265

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2012 quá hạn (31/12/2011: không).

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Kỳ hạn hợp đồng của các khoản nợ tài chính phi phái sinh như sau:

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Dưới 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000	Tổng VND'000
Ngày 30 tháng 12 năm 2012					
Ứng trước từ khách hàng	290.555	290.555	290.555	-	290.555
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	7.200.020	7.200.020	7.200.020	-	7.200.020
Các khoản phải trả khác	276.694	276.694	276.694	-	276.694
	7.767.269	7.767.269	7.767.269	-	7.767.269

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Dưới 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000	Tổng VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả nhà cung cấp	1.348	1.348	1.348	-	1.348
Ứng trước từ khách hàng	666.117	666.117	666.117	-	666.117
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	395.950	395.950	395.950	-	395.950
Các khoản phải trả khác	36.706	36.706	36.706	-	36.706
	1.100.121	1.100.121	1.100.121	-	1.100.121

(c) Rủi ro thị trường**(i) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có rủi ro tiền tệ giữa ngoại tệ và đồng Việt Nam.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khả năng Công ty đối mặt với rủi ro thị trường do sự thay đổi trong lãi suất thị trường thấp vì tất cả các khoản mục tài sản và nợ có phát sinh lãi đều là khoản mục ngắn hạn.

Chi tiết lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Công cụ có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính – lãi suất cố định</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.254.506	119.861.111
Phải thu khác		
Phải thu khác	23.000.000	
Tài sản dài hạn khác		
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	139.213	139.213
	200.393.719	120.000.324
Phải trả tài chính – lãi suất cố định		
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Tiền gửi hoạt động thanh toán chứng khoán của nhà đầu tư	7.200.020	395.950

Công ty không phân tích biến động của lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 vì các công cụ tài chính có phát sinh lãi đều có lãi suất cố định.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 66.424 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 76.218 triệu đồng). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 20% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ/năm của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 9.964 triệu đồng (31/12/2011: 11.433 triệu đồng).

24. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu xấp xỉ giá trị sổ sách của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.265.997	177.265.997	119.884.370	119.884.370
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	66.424.048	66.424.048	76.218.076	76.218.076
Các khoản phải thu	172.330.192	*	126.009.386	*
Tài sản ngắn hạn khác	230.320	*	251.592	*
Tài sản tài chính dài hạn khác	790.128	*	932.547	*
	417.040.685		323.295.971	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người cung cấp	-	*	(1.348)	*
Ứng trước từ khách hàng	(290.555)	*	(666.117)	*
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	(7.200.020)	(7.200.020)	(395.950)	(395.950)
Phải trả khác	(276.694)	*	(36.706)	*
	(7.767.269)		(1.100.121)	

* Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

25. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	2.125.706	2.125.706
Trong vòng hai đến năm năm	-	2.125.706
	2.125.706	4.251.411

26. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	2011 VND'000 (theo báo cáo trước đây)	2011 VND'000 (Điều chỉnh)	2011 VND'000 (Phân loại lại)
Chi phí lãi	111.373	(111.373)	-
Chi phí khác	1.092.208	111.373	1.203.581

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	2011 VND'000 (theo báo cáo trước đây)	2011 VND'000 (Điều chỉnh)	2011 VND'000 (Phân loại lại)
Chi phí tiền lãi	111.373	(111.373)	-
Biến động chứng khoán thương mại, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	(17.820.896)	98.491	(17.722.405)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	(5.831.431)	(33.269.202)	(39.100.633)
Tiền lãi đã trả	(111.373)	111.373	-
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và ứng trước	(2.524.961)	2.524.961	-
Thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và vay ngắn hạn	2.623.452	(2.623.452)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	122.753.333	33.665.152	156.418.485

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Hồ Hùng Anh